



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Giấy chứng nhận đăng**

**ký kinh doanh số**

0400101556

ngày 13 tháng 1 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101556 ngày 13 tháng 1 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Phổ  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Nguyễn Văn Phước  
Ông Đào Ngọc Phương  
Ông Bùi Nguyên Tiến

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Phan Hữu Phú  
Bà Nguyễn Thị Phương Mai  
Ông Nguyễn Thanh Liêm

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Nguyễn Văn Phước  
Ông Trần Đình Thành  
Ông Đinh Duy Tường  
Ông Bùi Đình Thành  
Ông Nguyễn Văn Hải  
Bà Hoàng Thùy Oanh  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ 14/2/2012)  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**KPMG Limited**  
16<sup>th</sup> Floor, Pacific Place  
83B Ly Thuong Kiet Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính chưa hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính chưa hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-212-e



Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Chi

Chứng chỉ kiểm toán viên số 2018/KTV

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>376.176.576.442</b>	<b>309.275.266.529</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>33.917.373.280</b>	<b>5.519.774.518</b>
Tiền	111		12.517.373.280	5.519.774.518
Các khoản tương đương tiền	112		21.400.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>82.893.187.814</b>	<b>88.533.324.255</b>
Phải thu khách hàng	131		74.431.068.937	84.605.860.298
Trả trước cho người bán	132		3.246.171.828	2.229.305.238
Các khoản phải thu khác	135		5.215.947.049	1.698.158.719
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>233.418.039.503</b>	<b>206.303.493.791</b>
Hàng tồn kho	141		233.418.039.503	206.392.407.769
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(88.913.978)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.947.975.845</b>	<b>8.918.673.965</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		939.521.678	213.745.472
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.093.105.323	5.943.032.504
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	453.598.527
Tài sản ngắn hạn khác	158		15.915.348.844	2.308.297.462
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>333.401.088.399</b>	<b>260.983.031.980</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>312.011.960.638</b>	<b>252.518.786.000</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	294.543.012.054	245.105.831.641
Nguyên giá	222		547.373.677.867	459.296.151.299
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.830.665.813)	(214.190.319.658)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	523.650.417	337.613.404
Nguyên giá	228		2.089.935.183	1.693.360.183
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.566.284.766)	(1.355.746.779)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	16.945.298.167	7.075.340.955
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>7.280.512.519</b>	<b>5.838.412.519</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		5.239.100.000	2.897.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		-	900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		3.805.702.000	3.805.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.764.289.481)	(1.764.289.481)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.108.615.242</b>	<b>2.625.833.461</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>10</b>	14.108.615.242	2.625.833.461
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>709.577.664.841</b>	<b>570.258.298.509</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>501.893.489.263</b>	<b>432.557.539.808</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>340.708.169.361</b>	<b>310.634.981.917</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	190.022.578.616	137.766.415.906
Phải trả người bán	312		90.549.016.922	88.217.272.126
Người mua trả tiền trước	313		8.040.685.979	11.365.902.661
Thuế phải nộp Nhà nước	314	12	1.449.531.731	583.259.668
Phải trả người lao động	315		40.058.413.678	64.121.960.117
Chi phí phải trả	316	13	2.560.901.143	4.072.541.208
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	7.095.614.017	4.033.577.168
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	15	931.427.275	474.053.063
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>161.185.319.902</b>	<b>121.922.557.891</b>
Vay và nợ dài hạn	334	16	157.881.360.477	120.159.062.896
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	3.303.959.425	1.763.494.995
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>207.684.175.578</b>	<b>137.700.758.701</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>207.684.175.578</b>	<b>137.700.758.701</b>
Vốn cổ phần	411	18	150.000.000.000	96.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	2.677.312.247
Quỹ đầu tư và phát triển	417	19	13.230.400.003	3.887.770.046
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	3.173.004.243	1.411.810.971
Lợi nhuận chưa phân phối	420		41.280.771.332	33.223.865.437
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>709.577.664.841</b>	<b>570.258.298.509</b>

Người lập:



Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng

31 -03- 2012

Người duyệt:




Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

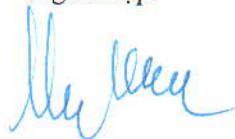
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	20	1.643.474.126.490	1.280.879.324.606
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	(7.001.006.157)	(389.603.443)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>1.636.473.120.333</b>	<b>1.280.489.721.163</b>
Giá vốn hàng bán	11		(1.493.279.696.580)	(1.149.295.434.626)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>143.193.423.753</b>	<b>131.194.286.537</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	26.924.919.547	33.662.001.670
Chi phí tài chính	22	22	(46.138.311.778)	(62.961.929.977)
Chi phí bán hàng	24		(29.926.103.514)	(28.851.971.013)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(53.399.756.108)	(44.163.317.326)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>40.654.171.900</b>	<b>28.879.069.891</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31		3.453.745.214	16.284.753.519
Chi phí khác	32		(1.020.060.167)	(10.127.351.116)
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>50</b>		<b>43.087.856.947</b>	<b>35.036.472.294</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	(1.807.085.615)	(354.698.903)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>41.280.771.332</b>	<b>34.681.773.391</b>

Người lập:



Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

31-03-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	96.500.000.000	(517.555.991)	1.933.090.329	796.557.637	12.772.800.972	111.484.892.947
Phân bổ vào các quỹ Cổ tức	-	-	1.954.679.717	615.253.334	(2.569.933.051)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-	(8.580.000.000)	(8.580.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	3.194.868.238	-	-	-	3.194.868.238
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	34.681.773.391	34.681.773.391
	-	-	-	-	(3.080.775.875)	(3.080.775.875)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	96.500.000.000	2.677.312.247	3.887.770.046	1.411.810.971	33.223.865.437	137.700.758.701
Phát hành cổ phiếu	43.850.000.000	-	-	-	-	43.850.000.000
Phân bổ vào các quỹ Cổ tức (thuyết minh 24)	-	-	9.342.629.957	1.761.193.272	(11.103.823.229)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	9.650.000.000	-	-	-	(19.300.000.000)	(9.650.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	(2.677.312.247)	-	-	-	(2.677.312.247)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	41.280.771.332	41.280.771.332
	-	-	-	-	(2.820.042.208)	(2.820.042.208)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	150.000.000.000	-	13.230.400.003	3.173.004.243	41.280.771.332	207.684.175.578

Người lập:

*(Signature)*

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

*(Signature)*

Nguyễn Đức Trì  
Tổng Giám đốc

31-03-2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>43.087.856.947</b>	<b>35.036.472.294</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		46.848.353.264	44.543.733.183
Các khoản dự phòng	03		2.200.000.000	3.700.690.812
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(205.970.585)	(164.331.884)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		2.251.702.963	(4.994.961.432)
Chi phí lãi vay	06		20.496.053.851	21.426.978.080
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>114.677.996.440</b>	<b>99.548.581.054</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(13.984.048.470)	51.605.586.016
Biến động hàng tồn kho	10		(27.114.545.712)	(67.785.427.590)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(22.884.077.232)	40.005.490.031
Biến động chi phí trả trước	12		(1.381.244.457)	1.738.461.821
			<b>49.314.080.569</b>	<b>125.112.691.332</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(19.766.793.165)	(21.216.155.738)
Tiền thuế TNDN đã trả	14		(1.388.244.933)	(2.443.342.251)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.022.203.566)	(4.403.530.411)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.136.838.905</b>	<b>97.049.662.932</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(123.856.487.516)	(43.580.231.064)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.858.348.551	13.253.573.086
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1.442.100.000)	(2.353.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.577.594.570	528.663.707
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(120.862.644.395)</b>	<b>(32.150.994.271)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

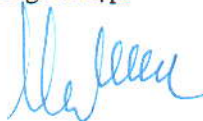
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

	Mã Thuyết số minh	2011 VND	2010 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	43.850.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.339.227.743.995	895.832.833.622
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.249.249.283.704)	(962.341.762.206)
Tiền chi trả cổ tức	35	(9.650.000.000)	(8.580.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>124.178.460.291</b>	<b>(75.088.928.584)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>28.452.654.801</b>	<b>(10.190.259.923)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5.519.774.518	15.730.054.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(55.056.039)	(20.019.685)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 3</b>	<b>33.917.373.280</b>	<b>5.519.774.518</b>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011 VND	2010 VND
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	9.650.000.000	-

Người lập:



Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị  
Tổng Giám đốc

31 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng Công ty sản xuất là kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có 5.867 nhân viên (31/12/2010: 5.083 nhân viên).

#### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

##### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(b) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### **(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT- BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tổng Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009- BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phương pháp phi hồi tố.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)**

**(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này đã đưa ra những hướng dẫn sau đây về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và phải trả tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tổng Công ty thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Chuẩn mực này yêu cầu chênh lệch tỷ giá hối đoái phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(f) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(i) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
▪ tài sản khác	2 - 5 năm

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(j) Tài sản cố định vô hình**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giá trị của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

#### **(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(l) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Công cụ, dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

##### **(ii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái thể hiện các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến xây dựng cơ bản của tài sản cố định hữu hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

##### **(iii) Chi phí sản xuất thử**

Chi phí sản xuất thử được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

##### **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập bằng 1 - 3% của tổng quỹ lương được sử dụng làm căn cứ tính Bảo hiểm Xã hội, tuân theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

#### **(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(p) Doanh thu**

##### **(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

##### **(ii) *Cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho hàng gia công và được chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản cố định này.

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

#### (r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.

#### (s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	81.775.500	51.308.000
Tiền gửi ngân hàng	12.435.597.780	5.468.466.518
Các khoản tương đương tiền	21.400.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	33.917.373.280	5.519.774.518

Trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ xấp xỉ 5.258 triệu VND (31/12/2010: 1.881 triệu VND).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm 900 triệu VND (31/12/2010: Không có) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty.

### 4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty liên quan - Thương mại	7.680.494.385	4.424.760.031

Các khoản phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi, và có thời hạn thanh toán hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 62 tỷ VND (31/12/2010: Không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh mức độ cao nhất của rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày trên hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo với giá trị là 25,4 tỷ VND cho khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 15,5 tỷ VND.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tổng Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Trong hạn	73.364.593.332
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	2.378.607.911
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	2.210.416.536
Quá hạn trên 180 ngày	1.693.398.207
	<hr/>
	79.647.015.986
	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)****5. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	26.166.677.327	35.084.346.662
Nguyên vật liệu	53.114.252.302	39.318.838.465
Công cụ và dụng cụ	196.326.200	94.585.569
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.292.811.195	92.987.246.728
Thành phẩm	63.113.391.129	38.907.390.345
Hàng gửi đi bán	8.534.581.350	-
	<hr/>	<hr/>
	233.418.039.503	206.392.407.769
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(88.913.978)
	<hr/>	<hr/>
	233.418.039.503	206.303.493.791
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	88.913.978	1.085.462.529
Tăng dự phòng trong năm	-	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(88.913.978)	(760.537.547)
Hoàn nhập	-	(236.011.004)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	88.913.978
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 hàng tồn kho có giá trị sổ sách là 138 tỷ VND (31/12/2010: 113 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	98.683.594.753	333.673.661.564	13.237.227.213	5.738.080.470	7.963.587.299	459.296.151.299
Tăng trong năm	1.049.323.273	21.171.709.558	1.491.586.104	643.471.207	1.178.728.353	25.534.818.495
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.656.025.910	67.108.880.790	-	184.542.182	165.625.000	83.115.073.882
Thanh lý	(848.201.920)	(8.466.799.495)	(3.455.292.463)	(215.382.395)	(149.570.000)	(13.135.246.273)
Phân loại lại	-	(15.986.080.254)	-	-	15.986.080.254	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.838.843.831)	(5.598.275.705)	-	-	-	(7.437.119.536)
Số dư cuối năm	112.701.898.185	391.903.096.458	11.273.520.854	6.350.711.464	25.144.450.906	547.373.677.867
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	32.484.892.124	162.395.925.587	8.981.380.891	4.522.076.078	5.806.044.978	214.190.319.658
Khấu hao trong năm	5.865.582.875	37.584.549.852	1.377.634.375	904.058.855	905.989.320	46.637.815.277
Thanh lý	(827.498.033)	(2.252.239.366)	(3.002.910.395)	(215.382.395)	(149.570.000)	(6.447.600.189)
Phân loại lại	-	(4.303.626.425)	-	-	4.303.626.425	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(95.753.885)	(1.454.115.048)	-	-	-	(1.549.868.933)
Số dư cuối năm	37.427.223.081	191.970.494.600	7.356.104.871	5.210.752.538	10.866.090.723	252.830.665.813
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	66.198.702.629	171.277.735.977	4.255.846.322	1.216.004.392	2.157.542.321	245.105.831.641
Số dư cuối năm	75.274.675.104	199.932.601.858	3.917.415.983	1.139.958.926	14.278.360.183	294.543.012.054

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản có nguyên giá 86 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2010: 75 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 292 tỷ VND (31/12/2010: 192 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	1.693.360.183
Tăng trong năm	396.575.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.089.935.183
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.355.746.779
Khấu hao trong năm	210.537.987
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.566.284.766
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	337.613.404
Số dư cuối năm	523.650.417
	<hr/>

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 0,91 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 0,85 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2011 VND</b>	<b>2010 VND</b>
Số dư đầu năm	7.075.340.955	2.123.445.752
Tăng trong năm	97.925.094.021	19.201.136.053
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(83.115.073.882)	(14.235.332.895)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.940.062.927)	-
Xóa sổ	-	(13.907.955)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	16.945.298.167	7.075.340.955
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 12 tỷ VND (31/12/2010: Không có) được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 0,5 tỷ VND (31/12/2010: Không có).

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

### 9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào:

Công ty con:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu vốn biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu vốn biểu quyết
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	266.790	76,88%	129.000	73,63%
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ Quảng Nam	257.120	32,14%	160.700	54%
Công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ (*)	-	-	90.000	32,49%

Đầu tư dài hạn khác:

▪ Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung	85.570	9,37%	85.570	9,37%
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	60.000	10,91%	60.000	10,91%
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hoà An	160.000	16%	160.000	17,84%
▪ Công ty Thương mại Chọn	75.000	8,73%	75.000	10%

9.044.802.000

7.602.702.000

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

(1.764.289.481)

(1.764.289.481)

7.280.512.519

5.838.412.519

(\*) Tại ngày 19 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ đã mua lại 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ từ Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Sau đó, vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ đã sáp nhập với Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ. Trong năm 2011, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ là 477,9 triệu VND và do đó tăng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần thời trang Hòa Thọ lên 76,88%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.764.289.481	327.587.665
Tăng dự phòng trong năm	-	1.436.701.816
Số dư cuối năm	1.764.289.481	1.764.289.481

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí sản xuất thử VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.165.675.334	-	-	460.158.127	2.625.833.461
Tăng trong năm	2.727.493.751	-	-	1.321.613.398	4.049.107.149
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	3.038.210.902	1.455.747.110	1.393.292.591	5.887.250.603
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.556.717.360	-	383.345.567	4.940.062.927
Phân bổ trong năm	(2.314.360.214)	-	-	(1.079.278.684)	(3.393.638.898)
Số dư cuối năm	2.578.808.871	7.594.928.262	1.455.747.110	2.479.130.999	14.108.615.242

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	162.594.448.003	111.090.006.286
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	27.428.130.613	26.676.409.620
	190.022.578.616	137.766.415.906

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - (a)	USD	4,5%	59.857.985.557	30.983.199.056
Ngân hàng Indovina - (b)	USD	4,5%	37.541.248.438	12.859.631.427
Ngân hàng ANZ - (c)	USD	4,08%-4,4%	31.340.966.533	-
Ngân hàng HSBC - (b)	USD	4,68%-4,7%	16.850.692.618	24.967.018.955
Ngân hàng ANZ - (c)	EUR	4,08%-4,4%	10.335.364.140	-
Ngân hàng Hàng Hải - (a)	USD	4,5%	5.796.352.837	1.550.720.120
Ngân hàng Công thương - (d)	USD	4,5%	795.837.880	35.235.555.333
Vay từ ban liên lạc hưu trí - (d)	VND	14%	76.000.000	50.000.000
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng	USD	4,7%		1.304.323.169
Ngân hàng Công thương	VND	15,5%	-	4.139.558.226
			<hr/>	<hr/>
			162.594.448.003	111.090.006.286

- a. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4 tỷ VND (31/12/2010: 25 tỷ VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 81 tỷ VND (31/12/2010: 51 tỷ VND).
- b. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 25 tỷ VND (31/12/2010: 12 tỷ VND) và hàng tồn kho với giá trị là 57 tỷ VND (31/12/2010: 62 tỷ VND).
- c. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 62 tỷ VND.
- d. Khoản vay không được bảo đảm.

## 12. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	884.317.619	572.533.342
Thuế nhập khẩu	4.951.998	10.726.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.840.682	-
Thuế thu nhập cá nhân	141.421.432	-
	<hr/>	<hr/>
	1.449.531.731	583.259.668

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**13. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động	702.812.474	2.464.999.102
Chi phí lãi vay	940.083.028	210.822.342
Chi phí phải trả khác	918.005.641	1.396.719.764
	<hr/>	<hr/>
	2.560.901.143	4.072.541.208
	<hr/>	<hr/>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	1.614.292.194	1.013.593.051
Bảo hiểm xã hội	1.068.044.478	748.924.864
Bảo hiểm y tế	13.516.598	54.691.297
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.399.760.747	2.216.367.956
	<hr/>	<hr/>
	7.095.614.017	4.033.577.168
	<hr/>	<hr/>

**15. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	474.053.063	(408.631.753)
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	2.820.042.208	3.080.775.875
Sử dụng quỹ trong năm	(2.362.667.996)	(2.198.091.059)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	931.427.275	474.053.063
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)**

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	185.309.491.090	146.835.472.516
Phải trả trong 12 tháng (Thuyết minh 11)	(27.428.130.613)	(26.676.409.620)
Phải trả sau 12 tháng	157.881.360.477	120.159.062.896

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	<b>Đồng tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay 1 (a)	VND	7,5% - 9%	2019	74.603.635.988	84.131.635.988
Khoản vay 2 (b)	USD	8,5% - 9,5%	2018	53.269.609.488	-
Khoản vay 3	VND	0%	2014	14.668.386.000	19.568.386.000
Khoản vay 4	VND	0%	2018	10.679.133.000	12.204.133.000
Khoản vay 5	USD	6,25%	2018	7.021.059.648	-
Khoản vay 6	VND	14% - 21%	2016	5.027.879.017	6.033.455.061
Khoản vay 7	USD	7,9% - 9%	2015	3.779.240.600	4.351.255.152
Khoản vay 8	VND	5,4%	2012	3.069.888.213	6.369.888.213
Khoản vay 9	USD	7,5% - 8%	2014	2.498.516.466	-
Khoản vay 10	USD	7% - 9%	2014	1.965.090.558	-
Khoản vay 11	VND	13%	2015	1.722.000.000	2.214.000.000
Khoản vay 12	VND	14% - 18%	2014	1.630.000.000	2.190.000.000
Khoản vay 13	USD	7,5% - 8%	2013	1.567.931.840	2.239.655.600
Khoản vay 14	VND	18,5% - 19,5%	2012	1.496.185.000	2.696.185.000
Khoản vay 15	USD	7,9% - 9%	2014	835.327.768	1.033.460.016
Khoản vay 16	USD	6%	2014	615.988.100	-
Khoản vay 17	VND	12%	2013	528.600.000	817.000.000
Khoản vay 18	USD	5,2%	2013	331.019.404	465.140.308
Khoản vay 19	VND	12% - 14,9%	2011	-	993.110.000
Khoản vay 20	VND	13% - 15,6%	2011	-	884.749.327
Khoản vay 21	VND	6,96% - 16,6%	2011	-	643.418.851
				185.309.491.090	146.835.472.516

- a. Khoản vay này gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 135 tỷ VND (31/12/2010: 155 tỷ VND).
- b. Khoản vay này gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 77 tỷ VND.



## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 51 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 12 tỷ VND. Bên cạnh đó, các khoản vay này cũng được đảm bảo bằng lượng tiền gửi ngân hàng của Tổng công ty trị giá 0,9 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
Vay dài hạn	185.310	235.344	41.263	44.567	99.017	50.497

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Vay dài hạn	185.309.491.090	159.658.002.349

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có khoản vay dài hạn trị giá 80.130 triệu VND chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Nếu lãi suất của các khoản vay dài hạn này tăng 1% một năm sẽ làm lợi nhuận thuần của Tổng Công ty giảm 720 triệu VND. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
(tiếp theo)

**17. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.763.494.995	1.321.353.947
Dự phòng lập trong năm	2.200.000.000	2.500.000.000
Dự phòng sử dụng trong năm	(659.535.570)	(2.057.858.952)
	<hr/>	<hr/>
	3.303.959.425	1.763.494.995

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã đóng 1.700 triệu VND (2010: 1.642 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	Được duyệt		Đã phát hành	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	107.424.820.000	71,62 %	107.424.820.000	71,62 %
Các đối tượng khác	42.575.180.000	28,38 %	42.575.180.000	28,38 %
	<b>150.000.000.000</b>	<b>100.00%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100.00%</b>

Biến động vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành trong năm như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	9.650.000	96.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	5.350.000	53.500.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	<b>15.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>9.650.000</b>	<b>96.500.000.000</b>

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

### 19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### 20. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	1.643.474.126.490	1.280.879.324.606
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(56.022.768)	(88.590.909)
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.944.983.389)	(301.012.534)
Doanh thu thuần	1.636.473.120.333	1.280.489.721.163

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.851.794.570	366.913.511
Cổ tức được chia	725.800.000	161.750.196
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.104.863.119	32.969.006.079
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.892.531	164.331.884
Chiết khấu thanh toán	35.569.327	-
	26.924.919.547	33.662.001.670

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)****22. Chi phí tài chính**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	20.496.053.851	21.426.978.080
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	1.436.701.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.641.335.981	39.932.296.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	921.946	-
Chi phí tài chính khác	-	165.953.435
	<hr/>	<hr/>
	46.138.311.778	62.961.929.977
	<hr/>	<hr/>

**23. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.807.085.615	354.698.903
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất hiệu quả**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	43.087.856.947	35.036.472.294
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.308.785.695	3.503.647.229
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	173.956.785	212.819.343
Chi phí không được khấu trừ thuế	144.661.305	70.843.231
Thu nhập được miễn thuế	(72.580.000)	(16.175.020)
Giảm thuế	(2.817.578.473)	(3.354.572.833)
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận	69.840.303	(61.863.047)
	<hr/>	<hr/>
	1.807.085.615	354.698.903
	<hr/>	<hr/>

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

#### (c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm 2007 và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập cho 4 năm từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2007 - 2010) và giảm 50% thuế thu nhập cho 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, Tổng Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực dệt may và do đó Tổng Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho năm 2011.

#### 24. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2011 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng 20% vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong đó, 50% được phân phối theo hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và 50% còn lại được trả bằng tiền.

#### 25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2011 VND	2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>				
Vốn góp	44.414.590.000	-	-	-
Trả các khoản vay trong kỳ	15.000.000.000	7.303.441.002	-	-
Lãi vay trong kỳ	1.470.849.314	497.584.848	-	-
Cổ tức công bố	16.469.657.237	12.602.046.000	-	-
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>				
Bán hàng hóa	2.622.465.026	980.138.169	7.680.494.385	4.424.760.031
Mua hàng hóa	1.467.662.493	721.923.700	-	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ Quảng Nam</b>				
Mua thành phẩm	79.732.797.824	29.334.815.549	8.108.786.278	4.889.690.242
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>				
Lương	1.675.000.000	908.000.000	-	-
Thưởng	94.000.000	-	-	-

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

### 26. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các cam kết mua tài sản cố định sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	57.522.942.036	159.093.171.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	9.063.616.620	201.269.471
	<hr/>	<hr/>
	66.586.558.656	159.294.440.471

### 27. Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	251.927	383
Phải thu khách hàng	57.653	-
Trả trước cho người bán	2.713.610	-
Tài sản tiền tệ khác	679.954	-
Phải trả người bán	(2.982.022)	-
Người mua trả tiền trước	(345.125)	-
Vay và nợ ngắn hạn	(7.306.659)	(378.460)
Vay và nợ dài hạn	(3.451.305)	-
	<hr/>	<hr/>
	(10.381.967)	(378.077)

Rủi ro tiền tệ của Tổng Công được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
1 USD	20.828	18.932
1 EUR	27.044	24.884

## Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác sẽ không thay đổi, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

#### Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND

USD (mạnh thêm 8% so với VND)	(17.298.848.694)
EUR (mạnh thêm 5% so với VND)	(511.235.719)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty.

#### 28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.055.052.559.947	846.027.231.675
Chi phí nhân công	253.276.097.550	220.680.748.290
Chi phí khấu hao	46.848.353.264	44.543.733.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	240.700.573.779	149.119.858.124

Người lập:

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Handwritten signature of Nguyễn Đức Trị

Nguyễn Đức Trị  
Tổng Giám đốc

31-03-2012